

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế; Ông Nguyễn Đăng Dũng.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Tuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Toán C - Kiểm sát viên

Ngày 04/4/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2019/HSST ngày 01/02/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/HSST- QĐ ngày 01/3/2019 đối với các bị cáo:

1. Ngô Đình T1 sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn Tư Thê, xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn T2 và bà [Nguyễn Thị H](#); Vợ: Hoàng Thị O; Con: có 01 con sinh năm 2018.

Tiền sự: không.

Tiền án:

- Tại bản án số 49 ngày 25/07/2013, Ngô Đình T1 bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm Cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS 1999. Đến ngày 09/04/2014 chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác.

- Tại bản án số 22 ngày 24/04/2015, Ngô Đình T1 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Đến ngày 10/07/2016 chấp hành xong hình phạt.

Nhân thân:

- Tại bản án số 05/2018/HSST ngày 19/12/2018, Ngô Đình T1 bị Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 40 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại bản án số 06/2019/HSST ngày 21/01/2019, Ngô Đình T1 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 34 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại bản án số 11/2019/HSST ngày 22/01/2019, Ngô Đình T1 bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại bản án số 05/2019/HSST ngày 24/01/2019, Ngô Đình T1 bị Tòa án nhân dân huyện Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại bản án số 64/2019/HSST ngày 15/3/2019, Ngô Đình T1 bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 32 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định thi hành án hình sự số 63/2019/QĐ-CA ngày 28/01/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn C, sinh năm 1990

Nơi cư trú : Thôn Đại Trạch, xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Cử và bà Phạm thị Hương; Vợ: chưa có.

Tiền án, tiền sự : Không

Nhân thân :

- Ngày 27/09/2018, Nguyễn Văn C bị Công an huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền với mức phạt là 3.500.000 đồng về hành vi “Hủy hoại tài sản”.

- Tại bản án số 06/2019/HSST ngày 21/01/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định thi hành án hình sự số 18/2019/QĐ-CA ngày 22/02/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Trần Văn Th, sinh năm 1989

Nơi cư trú : Thôn Vĩnh An, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Hưng và bà Phạm Thị Lượ; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Tại bản án số 32 ngày 14/09/2015, Trần Văn Th bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS năm 1999. Ngày 26/11/2017 T1 chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác.

Tiền sự : không

Nhân thân :

- Ngày 19/12/2018 Trần Văn Th bị Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Ngày 21/01/2019 Trần Văn Th bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Ngày 22/01/2019 Trần Văn Th bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du , tỉnh Bắc Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Ngày 24/01/2019 Trần Văn Th bị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định thi hành án hình sự số 79/2019/QĐ- CA ngày 18/3/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh Nguyễn Minh V, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn Đại Trạch , xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

- Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1975 (Ông Nhụ đã mất năm 2016).

- Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1977.

- Cháu Nguyễn Mạnh D sinh năm 2005.

- Bà Nguyễn Thị B sinh năm 1957.

Tất cả các đương sự đều trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Bà B, bà T2, cháu D đều ủy quyền cho anh V).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 01/9/2018, Ngô Đình T1 và Trần Văn Th cùng đi trên chiếc mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave của T1 từ thành phố Bắc Ninh về khu vực Đại học may Hà Nội thuộc địa phận xã Xuân Lâm , huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh để gặp bạn . Lúc này Nguyễn Văn C gọi điện thoại cho Th, C hỏi Th và T1 đang ở đâu và hẹn gặp nhau ở đoạn đường tỉnh lộ 283 gần cầu UBND xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành để nói chuyện , T1 và Th đồng ý. C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter, BKS 29N1-531.22 đi từ nhà đến điểm hẹn . Khi gặp nhau, C rủ T1 và Th đi về khu nhà C xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Do đã có hẹn với bạn ở khu Trường đại học may nên T1 bảo Th đi chiếc xe Wave đến chỗ bạn trước còn T1 và C đi xe Exciter về khu nhà C xem có tài sản sơ hở thì trộm cắp, Th đồng ý. Khi C và T1 đi đến khu vực cạnh Trường mầm non Bích Ngọc ở thôn Đại Trạch, xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành thì C và T1 thấy trước cổng nhà

anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1955 ở thôn Đại Trạch, xã Đình Tổ có dựng 02 chiếc xe mô tô ở cạnh nhau nhưng không có người trông coi, C bảo T1 đi vào xem nếu không có ai trộm nom thì trộm cắp xe còn C đứng ngoài ngã tư đầu ngõ cạnh giới. T1 đi bộ đến chỗ dựng 02 chiếc xe mô tô trên. T1 kiểm tra chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu vàng-đen, BKS 99F1-153.01 (là xe của anh Nguyễn Minh V). T1 thấy xe không khóa cổ, không khóa càng, T1 nhìn vào trong nhà anh Sang thấy có mấy người ngồi chơi nhưng không ai chú ý ra ngoài cổng nên T1 đã dắt chiếc xe của anh V đi ra chỗ C. Sau đó, C ngồi lên xe của anh V còn T1 điều khiển xe Exciter và dùng chân đẩy xe cho C đi cất giấu. Khi đi về đoạn đường thuộc thôn Sen Hồ, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm thành phố Hà Nội thì T1 và C dừng xe lại. T1 bảo C ngồi đợi rồi T1 đi chiếc xe Exciter đến khu trường may gặp Th, T1 bảo Th đi ra chỗ C đẩy xe trộm cắp được mang về phòng trọ của Th và T1 cất giấu. Th đồng ý rồi lấy chiếc xe Exciter đi ra chỗ C, còn T1 ngồi lại uống rượu cùng các bạn ở khu Trường đại học may. Khi gặp nhau Th ngồi trên chiếc xe Airblade của anh V còn C điều khiển chiếc Exciter và dùng chân đẩy cho Th đi về phòng trọ của Th và T1 ở khu Th Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội cất giấu. Sau đó Th và C đi xe Exciter đến chỗ T1 và hát Karaoke cùng mọi người.

Đến ngày 03/09/2018, C đến phòng trọ của Th rồi T1 cùng C tháo mặt nạ chiếc xe trộm cắp của anh V ra để đầu dây điện và nổ máy. Sau khi nổ được máy, T1 điều khiển chiếc xe của anh V chở Th đi đến nhà anh Nguyễn Đức M sinh năm 1980 ở thôn Tự, xã Tam Sơn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh để bán. Tại đây, Th đứng ngoài còn T1 vào trong giao dịch và bán chiếc xe trộm cắp của anh V cho anh Mạnh với giá 3.000.000đồng nhưng do anh Mạnh không đủ tiền nên anh Mạnh đã đưa trước cho T1 2.000.000đồng. Số tiền này T1 chia cho Th 1.000.000đồng rồi hai người đã ăn tiêu cá nhân hết còn C không được T1 chia cho đồng nào.

Đến ngày 07/09/2018, T1 và C bị Cơ quan CSĐT Công an thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh bắt giữ. Ngày 20/09/2018 Th bị cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh bắt giữ trong một vụ án khác xảy ra trên địa bàn thị xã Từ Sơn và huyện Yên Phong. Sau khi bị bắt, T1, C và Th đã khai nhận về hành vi trộm cắp xe mô tô của anh Nguyễn Minh V.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐ ngày 21/9/2018 của Hội đồng định giá UBND huyện Thuận Thành kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade, màu sơn vàng, đen, BKS 99F1- 15301 mua năm 2013 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 19.500.000đồng.

Với nội dung trên tại bản cáo trạng số 10/Ctr- VKS ngày 31/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành đã truy tố Ngô Đình T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn C, Trần Văn Th về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

Đối với chiếc xe mà các bị cáo trộm cắp của anh V đến nay Cơ quan điều tra chưa thu hồi được. Nay anh V yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 19.500.000đ tương ứng với trị giá chiếc xe, các bị cáo không có ý kiến gì. Nhưng bị cáo T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì kết quả định giá chiếc xe là quá cao

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B, bà Đỗ Thị T2, cháu Nguyễn Mạnh D đều ủy quyền cho anh Nguyễn Minh V được toàn quyết quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án.

Anh Nguyễn Minh V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tại Cơ quan điều tra anh V trình bày: Ngày 01/9/2018 anh bị kẻ gian trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu vàng - đen, BKS 99F1-153.01. Chiếc xe này đăng ký mang tên bố anh là ông Nguyễn Đức N nhưng bố anh đã mất từ năm 2016 do vậy gia đình anh đã giao cho anh sử dụng chiếc xe này. Do đến nay Cơ quan điều tra chưa thu hồi được chiếc xe nên anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh trị giá chiếc xe theo kết luận của Hội đồng định giá là 19.500.000đ ngoài ra anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành sau khi phân tích, đánh giá tính chất, nguyên nhân, động cơ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên tội danh như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Ngô Văn T1 từ 30 đến 36 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Văn C 18 đến 21 tháng tù. Tổng hợp với 15 tháng tù tại bản án số 06/2018/HSST ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 33 đến 36 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự xử phạt: Trần Văn Th 18 đến 21 tháng tù. Tổng hợp với 18 tháng tù tại bản án số 05/2018/HSST ngày 19/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn; 18 tháng tù tại bản án số 06/2019/HSST ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong; 20 tháng tù tại bản án số 11/2019/HSST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du; 20 tháng tù tại bản án số 05/2019/HSST ngày 24/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 05 (năm) bản án từ 07 năm 10 tháng đến 08 năm 01 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587; 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Ngô Văn T1, Nguyễn Văn C, Trần Văn Th phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Minh V tổng số tiền 19.500.000đ. (Cụ thể: mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh V số tiền 6.500.000đ)

Các bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra, cùng thời gian, địa điểm phạm tội cũng như lời khai của người bị hại, người liên quan. Đã có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 01/9/2018 Ngô Đình T1, Nguyễn Văn C đã có hành vi lén lút trộm cắp của anh Nguyễn Minh V một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu vàng-đen, BKS 99F1-153.01 có giá trị theo kết luận của Hội đồng định giá là 19.500.000đồng. Bị cáo Trần Văn Th mặc dù không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp cùng bị cáo T1, C nhưng biết bị cáo T1, C đi trộm cắp tài sản mà không ngăn cản và có hành vi mang chiếc xe đi cất giấu và tiêu thụ. Do vậy hành vi của bị cáo Ngô Đình T1 đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn Th đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sở hữu riêng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy phải đưa ra xét xử kịp thời để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về tính chất vụ án thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết, phân công nhiệm vụ từ trước. Bị cáo T1 và C đều cùng nhau trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Th có vai trò là đồng phạm với bị cáo T1 và C và có có hành vi mang cất giấu và tiêu thụ tài sản trộm cắp do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều sinh ra trong gia đình con em lao động, tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện làm ăn chân chính mà lại chơi bời lêu lổng và đều có nhân thân rất xấu. Nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và bị Tòa án đưa ra xét xử.

Bị cáo T1: Bị cáo đã có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản đến nay chưa được xóa án tích nên đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự do vậy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Ngày 19/12/2018 bị cáo bị Tòa án nhân thị xã Từ Sơn xử phạt 40 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 21/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong xử phạt 34 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 22/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 22/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 15/3/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xử phạt 32 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo trong các bản án cùng gần thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại Thuận Thành nên đến nay các bản án đã có hiệu lực pháp luật nên không coi là tiền án đối với bị cáo.

Do bản án của các TAND thị xã Từ Sơn, TAND huyện Yên Phong, TAND huyện Tiên Du, TAND huyện Quế Võ đến nay đã có hiệu lực pháp luật nhưng bản

án của TAND thành phố Bắc Ninh chưa có hiệu lực pháp luật nên không tổng hợp hình phạt của các bản án đã xét xử đối với T1 trong bản án này là phù hợp.

Bị cáo C: Năm 2018 bị cáo bị Công an huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền với mức phạt là 3.500.000đồng về hành vi “Hủy hoại tài sản”; Ngày 21/01/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án này cùng gần thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại Thuận Thành đến nay bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng không coi là tiền án đối với bị cáo nhưng cần tổng hợp hình phạt với bản án lần này buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án

Bị cáo Th:

Có 01 tiền án: Ngày 14/09/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Đến nay chưa được xóa án tích do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Nhân thân: Ngày 19/12/2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 21/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 22/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 24/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Quê Võ xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo trong các bản án cùng gần thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại Thuận Thành nên mặc dù đến nay bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng không coi là tiền án đối với bị cáo.

Do bản án của các TAND thị xã Từ Sơn, TAND huyện Yên Phong, TAND huyện Tiên Du, TAND huyện Quê Võ đã có hiệu lực pháp luật nên cần tổng hợp hình phạt với bản án lần này buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của các bản án.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có nhân thân rất xấu, đã từng nhiều lần bị Tòa án xét xử về hành vi xâm phạm tài sản của công dân nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội nên cần phải có hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi bị bắt về hành vi phạm tội khác các bị cáo đều đã tự khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên các bị cáo đều được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản các bị cáo trộm cắp là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu vàng-đen, BKS 99F1-153.01 của anh Nguyễn Minh V đến nay chưa thu hồi được. Phía anh V yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe theo Kết luận của Hội đồng định giá là 19.500.000đ, Xét yêu cầu của bị hại là hợp pháp nên cần buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh V số tiền 19.500.000đ. (Cụ thể: Mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh V số tiền 6.500.000đ)

Liên quan trong vụ án này có anh Nguyễn Đức Mạnh là người T1 và Th khai đã mua chiếc xe mà các bị cáo trộm cắp của anh V. Tuy nhiên đến nay chưa đủ căn cứ chứng minh anh Mạnh có phải là người đã mua chiếc xe đó hay không. Do vậy Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter, BKS 29N1-531.22 mà C đã sử dụng để đi trộm cắp là xe do T1 và Th trộm cắp được trên địa bàn huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh cho C mượn. Hiện nay Cơ quan CSĐT Công an huyện Quế Võ đã tạm giữ chiếc xe để điều tra theo thẩm quyền. Do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại di động của Th và C dùng để liên lạc với nhau. Do các bị cáo đã làm rơi mất và không rõ rơi ở đâu nên Cơ quan điều tra không nên thu hồi được nên không xử lý là phù hợp.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Ngô Đình T1, Nguyễn Văn C, Trần Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Ngô Đình T1 32 (Ba mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn C 15 (Mười lăm) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 15 (Mười lăm) tháng tù tại bản án số 06/2018/HSST ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam của bản án số 06/2018/HSST ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh ngày 20/9/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Văn Th 15 (Mười lăm) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 18 (Mười tám) tháng tù tại bản án số 05/2018/HSST ngày 19/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; 18 (Mười tám) tháng tù tại bản án số 06/2019/HSST ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; 20 (Hai mươi) tháng tù tại bản án số 11/2019/HSST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; 20 (Hai mươi) tháng tù tại bản án số 05/2019/HSST ngày 24/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 05 bản án là 07 (bảy) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam của bản án số 06/2018/HSST ngày 19/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh ngày 07/9/2018.

Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự ; Điều 584; 585; 587, 589 Bộ luật dân sự : Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Minh V số tiền 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng). Cụ thể: Bị cáo Ngô Đình T 1, Nguyễn Văn C , Trần Văn Th mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh V số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong , hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Bị cáo Ngô Đình T 1, Nguyễn Văn C , Trần Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 325.000đ (Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng án phí dân sự sơ thẩm)

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Thuận Thành;
- Công an huyện Thuận Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS huyện Thuận Thành;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Minh Thu